

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả triển khai chuyển đổi số năm 2022
*(Phục vụ Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2022
của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số)*

Thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ủy ban) và Quy chế hoạt động của Ủy ban, trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông - Cơ quan thường trực Ủy ban báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số năm 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUAN TRỌNG

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2022	Mục tiêu năm 2022
I	Các chỉ tiêu đã hoàn thành			
1	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Bộ Tài chính	100%	100%
2	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Bộ Công Thương	7,5% ¹	7%
3	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	66% ²	65%
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Bộ Thông tin và Truyền thông	80%	80%
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến ³	Bộ Thông tin và Truyền thông	52,80%	50%

¹ Số liệu theo dự báo của Bộ Công Thương.

² Số liệu Quý II năm 2022 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

³ Năm 2022 chưa đo được “xử lý” do có sự thay đổi theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2022	Mục tiêu năm 2022
6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Bộ Công Thương	50% ⁴	50%
7	Tỷ lệ hộ gia đình có Internet cáp quang băng rộng	Bộ Thông tin và Truyền thông	75%	75%
8	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông	30,07%	30%
9	Tỷ lệ dân số ⁵ có điện thoại thông minh	Bộ Thông tin và Truyền thông	85%	85%
II	Các chỉ tiêu chưa hoàn thành			
10	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (thực hiện từ 01/6/2022 đến 22/12/2022) - Bộ phận một cửa cấp bộ - Bộ phận một cửa cấp tỉnh	Văn phòng Chính phủ	0% 1,66%	100% 100%
11	Tỷ lệ báo cáo của cơ quan nhà nước được thực hiện trực tuyến	Văn phòng Chính phủ	40,47%	50%
12	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở	Bộ Thông tin và Truyền thông	13,9% ⁶	50%

Trong 12 chỉ tiêu đặt ra tại Kế hoạch hoạt động của Ủy ban năm 2022, đến hết năm 2022 có **9** chỉ tiêu hoàn thành. Trong đó, các ngành Tài chính, Ngân hàng mỗi ngành đóng góp 1 chỉ tiêu, ngành Công Thương đóng góp 2 chỉ tiêu và ngành Thông tin và Truyền thông đóng góp 5 chỉ tiêu (trong đó 01 chỉ tiêu có sự đóng góp chung của lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư). Trong **3** chỉ tiêu chưa hoàn thành có 01 chỉ tiêu gần hoàn thành, 02 chỉ tiêu còn lại cần sự chỉ đạo quyết liệt của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương để đạt được trong năm 2023.

⁴ Theo Sách Thương mại điện tử Việt Nam năm 2022 do Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương công bố, năm 2021 đạt 42%. Đến hết năm 2022 ước đạt 50%.

⁵ Dân số trưởng thành.

⁶ Về cung cấp dữ liệu mở: Ngân hàng nhà nước; Bộ Tài Chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Thừa Thiên - Huế, TP. Đà Nẵng, Ninh Bình, TP. Hồ Chí Minh, Bình Định, Long An, Bắc Giang, Lạng Sơn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA ỦY BAN VÀ THEO KẾT LUẬN CÁC PHIÊN HỌP

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGČĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, có tổng cộng **107** nhiệm vụ. Trong đó, giao các bộ, ngành Trung ương thực hiện **44** nhiệm vụ và giao **63** địa phương mỗi địa phương **01** nhiệm vụ. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cụ thể:

- Bộ, ngành Trung ương: **42** nhiệm vụ đã hoàn thành; **02** nhiệm vụ đang triển khai (Trong đó, có **02** nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo: "Xây dựng, phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia gồm: Nền tảng dạy học trực tuyến, Nền tảng đại học số. Chủ động, kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền" và "Xây dựng chính sách thí điểm, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy việc đào tạo, đào tạo lại, đào tạo văn bằng hai, đào tạo từ xa theo hình thức chủ yếu trực tuyến, từng bước xây dựng mô hình giáo dục đại học số, áp dụng sớm trong năm 2022 với một số cơ sở đào tạo công nghệ thông tin có uy tín; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số lớn triển khai đào tạo, tăng cường đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho các đối tượng trong xã hội").

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: **59** địa phương đã hoàn thành: Hà Nội, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Dương, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Thành phố Cần Thơ, Thành phố Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Thành phố Hải Phòng, Hậu Giang, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kiên Giang, Kon Tum, Lạng Sơn, Lai Châu, Lào Cai, Lâm Đồng, Long An, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

04 địa phương đang tiếp tục triển khai là: Quảng Ngãi, Quảng Trị, Tiền Giang, Trà Vinh.

Kết quả triển khai nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành, địa phương được tổng hợp tại Phụ lục 3 kèm theo.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tại các Phiên họp

Theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tại các Phiên họp, có tổng cộng **51** nhiệm vụ giao cho các bộ, ngành. Trong đó **49** nhiệm vụ đã hoàn thành, **02** nhiệm vụ đang triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- “Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan liên quan đẩy nhanh triển khai mô hình Giáo dục Đại học số, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hoàn thành Đề án thí điểm trong năm 2022”: Bộ Giáo dục và Đào tạo đang rà soát và hoàn thiện quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học (dự thảo đã được đăng trên cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định từ 17/10/2022).

- “Khẩn trương ban hành chuẩn chương trình khối ngành công nghệ thông tin. Nghiên cứu đưa vào các yêu cầu về kỹ năng công nghệ thông tin trong các chuẩn chương trình đào tạo”: Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất Chính phủ cho phép lùi thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án và ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin vào Quý I năm 2023.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số quốc gia

a) Kết quả đạt được

- **30/30** bộ ngành và **63/63** địa phương đã lựa chọn ngày Chuyển đổi số, trong đó **03** bộ ngành và **05** địa phương chọn ngày Chuyển đổi số riêng.

- Ngày 10/10/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 với sự tham dự của hơn 1.500 đại biểu. Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã tham dự và phát biểu Thông điệp của Thủ tướng Chính phủ nhân Ngày Chuyển đổi số quốc gia. Nhiều bộ, ngành, địa phương cũng tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Chương trình "Tháng 10 – Tháng tiêu dùng số" để hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, hướng tới để người dân được thụ hưởng những lợi ích của chuyển đổi số; để doanh nghiệp công nghệ số được tiếp cận với đông đảo khách hàng tiềm năng. **59** doanh nghiệp tham gia Chương trình đã có chính sách ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số lên đến **50%** giá sản phẩm, dịch vụ.

b) Tồn tại, hạn chế

Năm 2022 là năm đầu tiên tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia, thời gian chuẩn bị và triển khai ngắn, khối lượng công việc lớn nên nhiều cơ quan còn bị động trong việc triển khai các hoạt động nhân Ngày Chuyển đổi số quốc gia; việc phổ biến chương trình tới các doanh nghiệp tham gia khá sát ngày nên nhiều doanh nghiệp không đủ thời gian xây dựng chương trình ưu đãi được kỹ lưỡng.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất Thủ tướng Chính phủ tiếp tục giao Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch triển khai Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức triển khai. Thời hạn xây dựng, ban hành kế hoạch trong Quý I năm 2023.

- Đề nghị các bộ, ngành, địa phương quan tâm phê duyệt Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trong Quý II/2023, hoàn thành trước 30/5/2023.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp và công bố 72 bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành và địa phương tại địa chỉ: <https://c63.mic.gov.vn> và đưa các bài toán chuyển đổi số này thành đầu bài trong Cuộc thi Tìm kiếm giải pháp Chuyển đổi số Quốc gia – Viet Solutions năm 2022.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổng hợp và công bố 21 câu chuyện chuyển đổi số Việt Nam từ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để lan toả những sáng kiến, cách làm, kinh nghiệm, bài học, mô hình tham khảo về chuyển đổi số tại địa chỉ: <https://t63.mic.gov.vn/>, đồng thời nâng cấp Cổng thông tin điện tử để các bộ, ngành, địa phương có thể chủ động đăng tải, chia sẻ câu chuyện, bài học chuyển đổi số thành công của cơ quan. Bộ đang tiếp tục tổng hợp, biên soạn và sẽ xuất bản các câu chuyện chuyển đổi số tiêu biểu trên mọi miền đất nước trong năm 2022 để tiếp tục nhân rộng các bài học thành công trong năm 2023.

b) Tồn tại, hạn chế

Vấn đề cần giải quyết bằng chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương còn nhiều, nhưng các bộ, ngành, địa phương vẫn lúng túng trong việc xác định tường minh bài toán chuyển đổi số của mình và thứ tự cần ưu tiên giải quyết.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Tiếp tục chủ động xác định tường minh bài toán chuyển đổi số của mình, xuất phát từ chính đặc thù của bộ, ngành, địa phương mình, tham vấn ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong việc xác định bài toán.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ngành, quận, huyện chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

1.3. Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo

a) Kết quả đạt được

Kênh cập nhật hàng ngày thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng (chính sách, pháp luật, bài toán, sáng kiến, cách làm) đã thu hút được hơn **125.000** người theo dõi kênh.

b) Tồn tại, hạn chế

Mặc dù số lượng người theo dõi Kênh đã tăng nhưng so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tổ chức triển khai chuyển đổi số ở 4 cấp chính quyền và khoảng **320.000** thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương thì số người theo dõi Kênh còn hạn chế, mới đạt 39%.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

Chỉ đạo cán bộ các cấp tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Việc tham gia chỉ đơn giản bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR theo hướng dẫn mà Bộ Thông tin và Truyền thông đã gửi rộng rãi các bộ, ngành, địa phương.

1.4. Tổ chức Cuộc thi sáng tác biểu trưng Chuyển đổi số quốc gia

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tìm kiếm được mẫu biểu trưng nhận diện Chuyển đổi số quốc gia được chọn lọc từ 334 tác phẩm dự thi (trong đó có 146 tác phẩm được nộp theo hình thức trực tuyến và 19 tác phẩm được nộp theo hình thức trực tiếp). Qua đó đã lựa chọn được Biểu trưng có hình ảnh như một vòng tròn được hợp thành bởi 3 cánh ôm trọn với ba ý nghĩa:



- Chuyển đổi số phải lấy người dân làm trung tâm và động lực, người dân nằm ở trung tâm, là động lực được thúc đẩy bởi 3 cánh là 3 trụ cột trong chuyển đổi số gồm chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Chuyển đổi số khi lấy người dân làm trung tâm cần phát triển 3 khía cạnh là chỉ ra cho người dân nhận thức đúng, thúc đẩy kỹ năng số cho người dân và tạo ra bộ công cụ phù hợp cho người dân trong thời đại số.

- Các cánh trên biểu trưng tạo thành hình tròn để thể hiện được việc chuyển đổi số cần được thực hiện liên tục và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình và điểm nhấn ở giữa là đại diện cho những người đứng đầu sẽ là người chỉ đạo, định hướng và dẫn dắt chuyển đổi số.

2. Thể chế số

Danh mục các văn bản quan trọng về chuyển đổi số do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2022 tại **Phụ lục 1** kèm theo.

Danh mục các văn bản quan trọng về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành trong năm 2022 tại **Phụ lục 2** kèm theo.

a) Kết quả đạt được

- **22/22** bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm và kế hoạch hành động năm 2022.

- **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành nghị quyết/chỉ thị/văn bản của tỉnh ủy/thành ủy về chuyển đổi số.

- **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm và kế hoạch năm 2022.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nội dung kế hoạch chuyển đổi số của nhiều địa phương còn mang tính khái quát cao, giống với chiến lược chung của quốc gia, chưa gắn với những yếu tố đặc thù, nhu cầu của địa phương.

- Kế hoạch hành động năm 2022 của nhiều bộ, ngành, địa phương còn thiếu chi tiết, chưa xác định rõ trách nhiệm và nguồn lực triển khai.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Tập trung tối đa nguồn lực triển khai các nhiệm vụ theo tiến độ Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 và theo chỉ đạo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch hành động chuyển đổi số năm 2023 trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phù hợp với điều kiện đặc thù của bộ, ngành, địa phương.

- Định kỳ hàng năm sơ kết, rà soát, cập nhật, điều chỉnh các văn bản đã ban hành cho phù hợp tình hình triển khai thực tế.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt **79,95** Mbps, tăng **29,60%** so với cùng kỳ năm 2021, xếp thứ **45** và cao hơn mặt bằng chung của thế giới là **71,39** Mbps. Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt **39,48** Mbps, tăng **11,1%** so với cùng kỳ năm 2021), xếp thứ **52** và cao hơn so với mặt bằng chung của thế giới là **33,17** Mbps.

- Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai phủ sóng được **2.152** thôn bản (toàn quốc đạt **99,73%** thôn bản đã có sóng, tăng **1,9%** so với đầu năm 2021), còn lại **266** thôn chưa phủ sóng được do một số thôn chưa có điện, dân cư thưa, địa hình khó khăn.

- Thực hiện bàn giao máy tính và chuyển kinh phí cho các tỉnh tương đương với **503.249** trong tổng số **600.000** máy huy động từ các nguồn xã hội hóa triển khai Chương trình "Sóng và máy tính cho em".

- Số thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobile Money đạt **2.659.719** thuê bao, tăng gấp hơn **7,3** lần so với năm 2021 (**362.721** thuê bao).

b) Tồn tại, hạn chế

- Tốc độ mạng băng rộng cố định và di động tuy có tăng nhưng vẫn chỉ là mức trung bình khá của thế giới, chưa tạo bước đột phá về hạ tầng phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Một số thôn đã có điện, tuy nhiên nguồn điện cung cấp cho thôn chỉ đủ cho điện sinh hoạt không đảm bảo cho trạm BTS hoạt động ổn định (chỉ đủ chạy các thiết bị dân dụng). Một số thôn đã có điện, tuy nhiên vị trí đặt trạm thì không có điện hoặc cách quá xa nguồn cấp điện và vẫn còn **118** thôn chưa có điện lưới.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

Tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng (địa điểm, điện lưới,...) để các doanh nghiệp viễn thông hoàn thành việc phủ sóng các vùng lõm; đưa cáp quang tới các thôn bản, đáp ứng nhu cầu của các hộ gia đình.

4. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, ngành chỉ đạo phát triển, đánh giá và công bố **50** nền tảng số, trong đó có **18** nền tảng phục vụ Chính phủ số, **16** nền tảng phục vụ kinh tế số và **16** nền tảng phục vụ xã hội số.

- **63/63** địa phương đã được giao nhiệm vụ triển khai sử dụng tối thiểu 01 nền tảng số. **43/63** địa phương đã công bố lựa chọn nền tảng số triển khai năm 2022 lồng ghép trong kế hoạch chuyển đổi số; **11/63** địa phương đã công bố lựa chọn nền tảng số triển khai năm 2022 bằng một văn bản riêng của UBND tỉnh, thành phố.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức khóa bồi dưỡng trực tuyến về Cách tiếp cận nền tảng trong chuyển đổi số cho hơn **3.257** công chức, viên chức của đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin các bộ, ngành, địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế

Đa số các nền tảng mới đáp ứng được yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, an ninh mạng ở mức cơ bản. Các nền tảng chưa tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục tìm hiểu, nâng cao nhận thức về nền tảng số và cách tiếp cận sử dụng nền tảng số trong triển khai chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục tập trung hoàn thành triển khai các nền tảng số theo kế hoạch và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số trong năm 2023.

5. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được

- **13/30** bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và **46/63** tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Đề án 146).

- **63/63** tỉnh, thành phố đã triển khai **68.933** Tổ Công nghệ số cộng đồng đến tận thôn, xóm với hơn **320.000** thành viên tham gia.

- Bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho **4.839** lượt công chức, viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương và **28.989** Lãnh đạo UBND cấp xã trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đến tháng 12/2022 có **27.768** cán bộ, công chức, viên chức đã hoàn thành các khóa học, vượt mục tiêu bồi dưỡng **10.000** cán bộ, công chức, viên chức đề ra trong năm 2022, Nền tảng học trực tuyến mở đại trà có hơn **16 triệu** lượt truy cập. Trong tháng 09/2022, Bộ TT&TT phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp công nghệ số và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức phổ biến, tập huấn trực tiếp và trực tuyến cho **255.545** thành viên Tổ CNSCĐ tại **58/63** địa phương (Hà Nội, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An và Quảng Bình dự kiến tổ chức trong năm 2023).

b) Tồn tại, hạn chế

Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tại một số địa phương còn hạn chế, chưa bảo đảm đạt được hiệu quả truyền thông, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể và chưa gắn với yếu tố đặc thù của địa phương.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Các bộ, ngành, địa phương chưa ban hành sớm ban hành Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng và người dân trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

6. An toàn, an ninh mạng

a) Kết quả đạt được

- Năm 2022, Cục An toàn thông tin đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý **12.195** cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam (4.491 cuộc Phishing, 1.711 cuộc Deface, 5.993 cuộc Malware), **tăng 25,3%** so với năm 2021 (9.729 cuộc).

- Tính đến tháng 12/2022, tổng số HTTT của cả nước là 3.086, trong đó số HTTT được phê duyệt là 1.732 hệ thống, đạt tỷ lệ 56,1%.

- Doanh thu năm 2022 đạt 3.319,3 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2021 (2.613 tỷ đồng)

b) Tồn tại, hạn chế

- Các bộ, ngành và địa phương chưa thực sự tập trung, chú trọng đến việc xác định cấp độ và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Tỷ lệ hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước được phân loại và thực hiện bảo vệ theo cấp độ mới đạt **53,9%**.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện xác định, phân loại và phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ của 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý; triển khai các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

7. Chính phủ số

a) Kết quả đạt được

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến 100% huyện; 100% xã trên toàn quốc.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tiếp tục phát huy hiệu quả để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. NDXP đã kết nối với hơn **90** bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp; **09** Cơ sở dữ liệu trong đó có **03** CSDL ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển CPĐT: dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm), **13** hệ thống thông tin của các bộ, ngành, doanh nghiệp để chia sẻ dữ liệu. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP trong năm 2022 đạt khoảng **860 triệu** giao dịch, gấp hơn **4,8 lần** so với cả năm 2021 (đạt khoảng 180 triệu). Trung bình hàng ngày có khoảng **2,36** triệu giao dịch thông qua NDXP.

- Phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL):

+ CSDL quốc gia về dân cư được đẩy mạnh triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích cho người dân và doanh nghiệp. Bộ Công an đã hoàn thành **11/11** dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; Tích hợp thử nghiệm về mặt kỹ thuật, giải pháp đối với việc xác thực danh tính qua thẻ CCCD gắn chip điện tử được trang bị tại các quầy giao dịch của **05** Ngân hàng (BIDV, Vietinbank, Vietcombank, Agribank, PVcombank); Triển khai thí điểm sử dụng thẻ CCCD thay thẻ ATM tại một số chi nhánh của **03** ngân hàng lớn (BIDV, Vietinbank, Vietcombank) tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh; tính đến ngày 28/11/2022, có thẻ sử dụng thẻ CCCD trong khám chữa bệnh ở **11.923/13.506** cơ sở khám chữa bệnh (đạt tỷ lệ **91,32%**); Kết nối chính thức với **12** đơn vị bộ ngành và **25** địa phương để làm giàu dữ liệu, đồng bộ thông tin với dữ liệu dân cư, **04** doanh nghiệp nhà nước; Kết nối thông tin thuê bao (trừ thông

tin mật) của **03** doanh nghiệp viễn thông lớn (VNPT, Viettel, Mobiphone) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực **63,4** triệu dữ liệu người dùng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giải quyết tình trạng sử dụng SIM rác.

+ CSDL quốc gia về Bảo hiểm quản lý thông tin của **27 triệu** hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm thông tin của **98 triệu** người dân.

+ CSDL hộ tịch điện tử toàn quốc có khoảng **28 triệu** dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có trên **7 triệu** trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định; trên **6 triệu** dữ liệu đăng ký kết hôn; trên **4 triệu** dữ liệu đăng ký khai tử.

+ CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp bao gồm thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn **01 triệu** doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; tỷ lệ số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đạt **100%**.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 là **97,3%**; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) phát sinh hồ sơ là **80%**, gấp hơn **2** lần so với cùng kỳ năm 2021; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến là **52,80%**, vượt chỉ tiêu đề ra năm 2022 (50%).

+ Công dịch vụ công quốc gia: Trong 11 tháng đầu năm 2022, đã có hơn **63 triệu** hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn **4,62 triệu** hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn **3 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **2,75 nghìn tỷ** đồng. Từ khi khai trương (11/2019) đến nay, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp **4.250** dịch vụ công trực tuyến; hơn **1 tỷ** lượt truy cập tìm hiểu thông tin, dịch vụ; hơn **152 triệu** hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn **7 triệu** hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn **3,88 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn **3,45 nghìn tỷ** đồng. Trong năm 2022, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an phát huy vai trò tham mưu tổng hợp và cơ quan thường trực trong thúc đẩy triển khai Đề án 06, đây là bước đột phá trong chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Đến nay, đã triển khai tích hợp, cung cấp **21/25** dịch vụ công thiết yếu trên Công dịch vụ công quốc gia; tái cấu trúc quy trình và phối hợp triển khai phần mềm liên thông 02 nhóm dịch vụ công; tăng cường số hóa hồ sơ, tài liệu giải quyết TTHC và kết nối, chia sẻ dữ liệu về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, địa phương.

- Triển khai các ứng dụng quy mô quốc gia:

+ Trực liên thông văn bản quốc gia: Trong 11 tháng đầu năm 2022, đã có trên **5,8 triệu** văn bản điện tử gửi, nhận qua Trục, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2021, lũy kế đến nay có hơn **16,6 triệu** văn bản gửi, nhận trên hệ thống, trung bình khoảng **550.000** văn bản/tháng. **98%** các cơ quan đã gửi, nhận văn bản điện tử và **70%** lãnh đạo các cấp đã sử dụng chữ ký số cá nhân.

+ Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Trong 11 tháng đầu năm 2022 đã phục vụ **20** hội nghị, phiên họp Chính phủ và xử lý **409** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ. Lũy kế đến nay, Hệ thống

đã phục vụ **64** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **1.417** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế gần **500 nghìn** hồ sơ, tài liệu giấy).

+ Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao do Văn phòng Chính phủ triển khai đang được khẩn trương hoàn thiện, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu. **45** bộ, cơ quan, địa phương đã xây dựng và đưa vào vận hành phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

+ Báo cáo điện tử được nhiều bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai và đưa vào vận hành Hệ thống thông tin báo cáo để hình thành nguồn thông tin, dữ liệu số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Đến nay, đã có **69/179**⁷ chế độ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

+ Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hiện nay đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của **15** bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và **63** địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu trực tuyến theo thời gian thực với **210 chỉ tiêu**⁸ thông tin trực tuyến. Từng bước hình thành 04 bộ chỉ số điều hành; thống kê; theo dõi, giám sát; KTXH địa phương (với tần suất dữ liệu theo ngày, hàng tháng, quý và năm, giai đoạn 2010 - 2022). Cung cấp ấn phẩm đồ họa thông tin (infographic) về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng.

+ Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công và Cổng tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được đưa vào vận hành, đây là công cụ phục vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đánh giá nỗ lực cải cách quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, góp phần nâng cao chất lượng thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường công khai, minh bạch, kiểm soát thực thi "điểm nghẽn" lớn nhất hiện nay.

+ Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh đã được xây dựng, đưa vào vận hành; là công cụ phục vụ chỉ đạo, điều hành trong cải cách, đánh giá nỗ lực

⁷ Các Bộ, địa phương thực hiện tốt hệ thống thông tin báo cáo: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bình Phước, Đồng Nai, Thừa Thiên Huế, Hòa Bình...

⁸ Các Bộ, địa phương thực hiện tốt tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Lạng Sơn, Yên Bái, Ninh Bình, Quảng Bình, Phú Yên, Sóc Trăng, Kon Tum...

của các bộ, ngành với 03 nhóm chỉ số thành phần⁹, góp phần nâng cao chất lượng thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Đến nay, đã cập nhật **17.687** quy định hiện hành và phương án cắt giảm, đơn giản hóa **1.029** quy định kinh doanh; giúp Chính phủ đánh giá nỗ lực cải cách của từng bộ, ngành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Đồng thời, dự thảo Quyết định quy định về Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh đã được Bộ Tư pháp thẩm định và hiện nay Văn phòng Chính phủ đang hoàn thiện đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

- Tiếp tục xây dựng và triển khai thí điểm Trợ lý ảo nhằm hỗ trợ công chức, viên chức, người lao động trong công việc tại Bộ Thông tin và Truyền thông và Tòa án nhân dân tối cao, trước mắt tập trung vào hỏi đáp quy định trong văn bản pháp luật và hỏi đáp các tình huống quản lý nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ các cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở còn rất ít, mới đạt 9%. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều từ hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương với các cơ sở dữ liệu quốc gia còn nhiều vướng mắc, do mức độ sẵn sàng từ phía hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương là khác nhau, dẫn đến chưa giải quyết hiệu quả việc chia sẻ dữ liệu trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia triển khai còn chậm.

- Việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao tuy có những chuyển biến tích cực về số lượng, nhưng chất lượng và hiệu quả còn cần tiếp tục phải cải thiện rất nhiều. Người dân chưa thấy thuận tiện, dễ dùng, chưa được khuyến khích khi tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến một cách thực chất là chưa cao.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Triển khai cung cấp thông tin và DVCTT theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP. Cụ thể:

+ Rà soát các thủ tục hành chính và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình với các thủ tục hành chính đủ điều kiện. Hiện đã có 35 bộ, tỉnh (06 bộ và 29 địa phương) đã thực hiện rà soát và công bố danh mục DVCTT toàn trình, một phần;

+ Giao chỉ tiêu DVCTT gắn trách nhiệm với người đứng đầu cơ quan, đơn vị để cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả (như tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến);

+ Tiếp tục hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bảo đảm nguyên tắc tạo thuận lợi và lấy người dùng làm trung tâm.

⁹ Công khai, minh bạch; Kết quả cải cách; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu, ban hành chính sách giảm phí, lệ phí để khuyến khích người dân sử dụng DVCTT; chính sách giảm thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến để khuyến khích người dân sử dụng DVCTT;

+ Nghiên cứu triển khai thí điểm một số dịch vụ không tiếp nhận bản giấy;

+ Chuẩn hóa và nâng cao trải nghiệm người dùng để cải tiến chất lượng DVCTT; Nghiên cứu triển khai Trợ lý ảo hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng DVCTT;

+ Triển khai các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến;

+ Kết nối, khai thác dữ liệu hiệu quả từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, tỉnh và các hệ thống thông tin có phạm vi quy mô từ Trung ương tới địa phương đã sẵn sàng để giảm thiểu giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

+ Kết nối, đồng bộ dữ liệu giám sát đo lường mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Hệ thống đánh giá chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ chính phủ số;

+ Phối hợp với Văn phòng Chính phủ hoàn thiện, khai thác và phát huy hiệu quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công và Công tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc việc gửi, nhận và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử theo Quyết định thay thế Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sau khi được ban hành; thúc đẩy triển khai báo cáo điện tử, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu và kết nối, chia sẻ với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển chính phủ số. Các nền tảng được triển khai phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không trùng lặp, tuân thủ pháp luật về quản lý đầu tư.

8. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được

- Theo Báo cáo E-conomy SEA 2022, tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ thương mại điện tử, giao hàng, giao đồ ăn và vận chuyển; du lịch trực tuyến và phương tiện điện tử trực tuyến đã ước đạt **23 tỷ USD**, tăng **28%** so với năm 2021.

- Ước tính sơ bộ năm 2022, tỷ trọng kinh tế số ước đạt **14,26%** GDP. Tỷ trọng này năm 2021 ước tính là **9,6%**. Mục tiêu đặt ra đến năm 2025 là **20%**.

- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số đến hết năm 2022 ước đạt **70.000** doanh nghiệp, tăng gần **6.200** doanh nghiệp so với 12/2021.

- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số bằng các nền tảng số Việt Nam đã có **671.469** doanh nghiệp tiếp cận, tham gia; **73.058** doanh nghiệp đã sử dụng nền tảng số SMEdx.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ năm 2022 dự báo đạt **7,5%**; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử ước đạt **50%**; Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt **66%**. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt **99%**; tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng hoá đơn điện tử là **100%**.

- **02/22** bộ, ngành, **28/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; **26/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế; **30/63** địa phương đã ban hành kế hoạch hành động thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế

- Còn nhiều bộ, ngành, địa phương chưa ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Các bộ, ngành, địa phương đang tập trung nhiều hơn cho phát triển chính phủ số/chính quyền số, chưa quan tâm đúng mức trong phát triển kinh tế số và xã hội số. Ngoài ra, nhân lực để thúc đẩy phát triển kinh tế số tại các bộ, ngành, địa phương còn rất hạn chế.

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Khẩn trương ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số và ưu tiên bố trí nguồn lực thích đáng để triển khai.

- Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số và thực hiện Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá xác định mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn Bộ Thông tin và Truyền thông. Tham gia, phối hợp trong các chương trình thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp SMEs.

- Các địa phương phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng thương mại điện tử và nền tảng địa chỉ số quốc gia để đẩy mạnh triển khai kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử và kế hoạch phát triển và ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại địa phương.

9. Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- Tổng số lượt tải mới các ứng dụng di động đạt **3,23 tỷ** lượt, tăng **3%** so với cùng kỳ năm 2021, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí số **09¹⁰ toàn cầu** về số lượt tải mới ứng dụng di động.

- Tổng số lượng người dùng thường xuyên các nền tảng Việt chiếm khoảng hơn **20%** so với số lượng người dùng toàn thị trường. Nhóm nền tảng phục vụ mạng xã hội được người dùng ưa thích nhất hiện nay với số lượng tài khoản hoạt động thường xuyên trên nền tảng đứng đầu của Việt Nam ước đạt **75 triệu** người dùng thường xuyên/ tháng (tăng gần **8 triệu** lượt so với cùng kỳ năm trước); Đứng thứ hai là nhóm nền tảng phục vụ thương mại điện tử với 3 nền tảng đứng đầu có số lượng bình người dùng thường xuyên trên **40 triệu** người dùng/ tháng (tăng **43%** so với cùng kỳ năm trước); thứ ba là nhóm nền tảng phục vụ thanh toán số với số lượng người dùng trung bình của 3 nền tảng đứng đầu thuộc nhóm này ước tính khoảng **14 triệu** người dùng/ lượt (tăng **24%** so với cùng kỳ năm trước).

b) Tồn tại, hạn chế

- Các nền tảng số Việt Nam phục vụ giáo dục và học tập, chăm sóc sức khỏe cần phải thúc đẩy hơn nữa trong thời gian tới.

- Trải nghiệm của người dùng trên Internet vẫn chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn, các đô thị.

- Đo lường kinh tế số và xã hội số đang trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện do chưa có phương pháp đo lường thống nhất cả trên thế giới và Việt Nam và còn thiếu dữ liệu đầu vào (không có dữ liệu lịch sử, các dữ liệu hành chính thường có độ trễ lớn).

c) Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, địa phương

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng số cho người dân đặc biệt khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; hướng dẫn người dân tham gia các nền tảng số Việt Nam.

- Đề nghị các địa phương triển khai, tuyên truyền về các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, hướng dẫn nâng cao kỹ năng số cho người dân.

10. Đô thị thông minh

a) Kết quả đạt được

- **37/63** địa phương đã ban hành Đề án, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh và bước đầu cung cấp các dịch vụ, tiện ích đô thị thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- **23/63** địa phương đã ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

¹⁰ Danh sách top 10 nước có tổng số lượt tải mới các ứng dụng trên thiết bị di động: Ấn Độ, Hoa Kỳ, Brazil, Indonesia, Trung Quốc, Nga, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam, Pakistan.

- **48/63** địa phương đã triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh bao gồm cả triển khai chính thức bằng ngân sách nhà nước và thử nghiệm, thí điểm bằng chi phí của doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương triển khai đô thị thông minh nhưng thiếu tầm nhìn dài hạn, thiếu tính tổng thể và thiếu kiến trúc nhất quán.

- Việc triển khai hiện nay chủ yếu tập trung vào nội dung phát triển chính quyền điện tử để cung cấp dịch vụ, tiện ích của chính quyền cho người dân, những bài toán lớn của đô thị như quy hoạch, giao thông, môi trường, năng lượng, xử lý rác thải,... chưa được quan tâm thích đáng.

- Mức đầu tư cho Trung tâm IOC giữa các địa phương là rất khác nhau, tiềm ẩn nguy cơ và rủi ro lãng phí trong triển khai nếu không xác định và đánh giá rõ được hiệu quả triển khai.

c) Đề xuất, kiến nghị các địa phương

- Người đứng đầu địa phương, đô thị phải nhận thức đúng và đủ về các nội dung phát triển đô thị thông minh bền vững. Quán triệt nghiêm túc các quan điểm và nguyên tắc phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập trung vào các vấn đề trọng tâm trong phát triển đô thị thông minh bao gồm quy hoạch đô thị thông minh, xây dựng và quản lý đô thị thông minh và cung cấp các tiện ích đô thị thông minh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với quá trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Ban hành bộ chỉ số đánh giá hiệu quả và định kỳ đo lường, đánh giá hiệu quả triển khai để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Trên cơ sở kết quả triển khai chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương trong năm 2022, qua theo dõi, đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, một số khó khăn, vướng mắc lớn trong quá trình triển khai cụ thể như sau:

1. Vấn đề phát triển dữ liệu

- Một số cơ sở dữ liệu quốc gia cốt yếu chưa được hoàn thành; một số cơ sở dữ liệu quốc gia đã được hình thành nhưng chưa được kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả; các cơ sở dữ liệu đã xây dựng còn rời rạc, cát cứ, chưa được quy hoạch, tổ chức, dùng chung thống nhất trong cơ quan nhà nước.

- Nhận thức về dữ liệu và năng lực tổ chức, khai thác dữ liệu còn hạn chế; lúng túng trong việc xác định mô hình tổ chức các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia; thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng giữa các bộ, ngành, địa phương; điều kiện hạ

tầng chưa đảm bảo để thu thập, kết nối, khai thác dữ liệu ổn định, thống nhất và đồng bộ.

- Chuyển đổi số là chuyển đổi các hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động phát triển kinh tế, xã hội dựa trên khai thác tiềm năng của dữ liệu, dữ liệu lớn. Tuy nhiên, tiềm năng của dữ liệu lớn hiện nay chưa được quan tâm xây dựng và khai thác sử dụng, chưa tận dụng được lợi thế trong việc phát triển các công nghệ mới dựa trên dữ liệu.

2. Khó khăn trong triển khai các nền tảng số

- Việc triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai các hệ thống thông tin trước đây nên nhiều bộ, ngành, địa phương còn lúng túng trong triển khai.

- Việc triển khai các nền tảng số quốc gia do các bộ, ngành ở Trung ương chủ trì còn chậm trong khi còn thiếu những quy định, hướng dẫn về kiến trúc, mô hình tổng thể, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của các nền tảng số quốc gia, nên việc triển khai sử dụng nền tảng tại các địa phương chưa đạt được mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

3. Nhân lực cho chuyển đổi số

- Đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) của các bộ, ngành, địa phương vừa thiếu về số lượng và kiến thức, kỹ năng tham mưu tổ chức triển khai chuyển đổi số.

- Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, đạo tạo lại, bồi dưỡng về chuyển đổi số còn rất thấp. Việc phổ cập kỹ năng số cho lực lượng lao động làm việc trong các ngành nghề khác nhau và cho người dân còn chậm.

- Số lượng, chất lượng kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

- Các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia còn chậm triển khai (chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số).

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Năm 2023 là năm bản lề, đánh dấu nửa chặng đường thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Để kết quả triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đi vào thực chất, mang lại giá trị thiết thực cho chính quyền, người dân, doanh nghiệp, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau trong năm 2023:

a) Các bộ, ngành, địa phương

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương năm 2023 dựa trên nội dung Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của bộ, ngành, địa phương theo hướng dẫn tại Văn bản số 4506/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Rà soát các thủ tục hành chính và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình với các thủ tục hành chính đủ điều kiện.

- Triển khai quản trị dữ liệu, xây dựng hạ tầng dữ liệu bền vững làm nền tảng cho chuyển đổi số. Phát triển tài nguyên dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và chuyển đổi số. Thúc đẩy, khai thác tiềm năng dữ liệu lớn, tạo động lực phát triển kinh tế- xã hội.

- Phát triển các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Triển khai ứng dụng hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, trong đó chú trọng bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tổng hợp, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển cho triển khai chuyển đổi số năm 2023.

c) Bộ Tài chính

Chủ trì tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước cho triển khai chuyển đổi số năm 2023.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số và lựa chọn 05 thí điểm mô hình tại 05 trường đại học trong năm 2022.

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để đưa toàn bộ hoạt động quản lý dạy học cho 100% các trường tiểu học, trung học cơ sở và phổ thông trung học lên các nền tảng số.

d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung vào việc phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, các ngành nghề chuyên về công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

e) Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Đôn đốc, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương để báo cáo Ủy ban./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG